

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN 2009 QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM (VF4)

- Căn cứ vào Giấy phép lập quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng của Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam, số 04/UBCK-GCN ngày 18 tháng 12 năm 2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp;
- Căn cứ vào Giấy phép hoạt động của Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam số 01/UBCK-ĐKQĐT do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 02 năm 2009.
- Căn cứ vào biên bản kiểm phiếu của Ban Kiểm Phiếu ngày 23/03/2010 về kết quả kiểm phiếu tại Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2009 của Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam được tổ chức tại Tp. Hồ Chí Minh ngày 23/03/2010.
- Căn cứ vào Biên Bản Đại hội số 01/VF4-2010/BBĐH ngày 23/03/2010 tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2009 của Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam được tổ chức tại Tp. Hồ Chí Minh ngày 23/03/2010.

QUYẾT NGHỊ

Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau:

Điều 1: Báo cáo kiểm toán của Quỹ đầu tư VF4 năm 2009

Đại hội thông qua báo cáo kiểm toán của Quỹ đầu tư VF4 năm 2009.

Điều 2: Phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ đầu tư VF4 năm 2009 và tạm ứng cổ tức đợt 1/2010

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư VF4, Đại hội Nhà đầu tư thông qua, Cổ tức của Quỹ đầu tư VF4 năm 2009 được quyết định là 16%/đơn vị quỹ (tức là 1.600 đồng/đơn vị quỹ) và tạm ứng cổ tức đợt 1/2010 là 4%/đơn vị quỹ (tức là 400 đồng/đơn vị quỹ).

Theo Nghị quyết của Ban đại diện số 01/2009/QĐ-NĐD/VF4 ngày 15 tháng 10 năm 2009, thông báo chấp thuận việc tạm ứng cổ tức của Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM số 717/TB-SGDHCM ngày 30/11/2009, Quỹ đầu tư VF4 đã tạm ứng cổ tức đợt 1/2009 là 10% (tức là 1.000 đồng/đơn vị quỹ) vào ngày 30/12/2009.

Do đó, tỷ lệ cổ tức phân phối đợt 2/2009 là 6% (tức là 600 đồng/đơn vị quỹ) và tạm ứng cổ tức đợt 1/2010 là 4%/đơn vị quỹ (tức là 400 đồng/đơn vị quỹ), sẽ được thanh toán sau Đại hội Nhà Đầu tư thường niên 2009.

Điều 3: Kế hoạch hoạt động của Quỹ đầu tư VF4 năm 2010

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua kế hoạch hoạt động năm 2010 của Quỹ đầu tư VF4 do Công ty quản lý quỹ VFM đề xuất với nội dung như sau:

- Kiện toàn danh mục với chiến lược đầu tư cân trọng vào các cổ phiếu doanh nghiệp hàng đầu, có hoạt động chính tốt và ổn định, theo tiêu chí đầu tư của Quỹ, nhằm giữ mức tăng trưởng của Quỹ theo mức tăng trưởng của Index;
- Đầu tư năng động trên cơ sở cấu trúc danh mục đầu tư hợp lý, tận dụng các cơ hội biến động của thị trường để mang lại lợi nhuận cho quỹ với mục tiêu tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ nhưng vẫn bảo đảm được sự an toàn hợp lý cho danh mục đầu tư của Quỹ;
- Danh mục đầu tư phân bổ vào ngành nghề theo hướng tăng tỷ trọng cổ phiếu tăng trưởng và giảm tỷ trọng cổ phiếu phòng thủ nhằm đón đầu khả năng tăng trưởng hậu khủng hoảng của nền kinh tế và thị trường chứng khoán;
- Phân chia danh mục thành 2 loại danh mục phần: Danh mục chủ chốt làm nền tảng giữ vững sự ổn định của danh mục và Danh mục năng động dựa vào nền tảng phân tích cơ bản, có tăng trưởng tốt và tính thanh khoản cao.

Điều 4: Lựa chọn công ty kiểm toán

Đại hội nhà đầu tư đã thông qua và đồng ý ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán E&Y, KPMG và PWC để kiểm toán Quỹ đầu tư VF4.

Điều 5: Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư VF4

5.1 Điều chỉnh, bổ sung thêm “Căn cứ pháp lý” ở Mục 1 của Điều lệ cụ thể như sau:

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4) và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Nghị định 36/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ;
- Quyết định số 125/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính;
- Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy chế thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường Việt Nam;
- Quyết định số 121/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính ban hành Quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam;

- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

5.2 Điều chỉnh, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 14 – Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư - cụ thể như sau:

ĐIỀU 14. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền:

a. Được chia cổ tức hoặc lợi nhuận của Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 53 của Điều lệ này.

5.3 Điều chỉnh, bổ sung Điều 18 – Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ - cụ thể như sau:

ĐIỀU 18. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của quỹ

1. Trong trường hợp Quỹ đầu tư VF4 đầu tư bị thua lỗ và có thể dẫn đến phá sản, Ban đại diện Quỹ phải xem xét nguyên nhân thua lỗ để quy kết trách nhiệm. Nếu Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng, sự kiện vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, bệnh dịch, bạo loạn, những đợt khủng hoảng, biến động lớn của toàn bộ thị trường mà những biến động này là kết quả của những tác động, ảnh hưởng tài chính dây chuyền mang tính quốc tế và khu vực, ... thì nhà đầu tư phải gánh chịu khoản lỗ tương ứng với tỷ lệ góp vốn của họ và sẽ không nhận cổ tức quỹ trong giai đoạn đó. Trong trường hợp đó, Ban Đại Diện Quỹ sẽ xem xét và đề xuất lên Đại hội Nhà đầu tư một trong những giải pháp sau:

(i) Giữ nguyên mức vốn Điều lệ;

(ii) Ghi giảm vốn và phải đăng ký lại mức tổng vốn mới;

2. Việc giảm vốn Điều lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư và UBCKNN.

3. Công ty quản lý quỹ VFM phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ đầu tư VF4 do nhân viên của Công ty quản lý quỹ VFM hoặc Công ty quản lý quỹ VFM không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được nhà đầu tư chấp thuận, kể cả những nhà đầu tư đã từng nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận.

5.4 Điều chỉnh, bổ sung khoản 1 Điều 19 – Đại hội nhà đầu tư thường niên - cụ thể như sau:

ĐIỀU 19. Đại hội nhà đầu tư thường niên

Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ đầu tư VF4. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong danh sách vào ngày chốt quyền tham dự đại hội theo thông báo của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán cung cấp trước khi triệu tập cuộc họp Đại hội đều có quyền tham dự Đại hội.

5.5 Điều chỉnh, bổ sung Điều 20 – Đại hội nhà đầu tư bất thường - cụ thể như sau:

ĐIỀU 20. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ quỹ liên tục trong vòng ít nhất 6 tháng triệu tập trong những trường hợp sau đây:

a. Xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch, Hợp đồng giám sát;

b. Xem xét thay đổi định hướng trong chính sách đầu tư, phương án phân phối lợi nhuận, mục tiêu đầu tư của Quỹ và giải thể Quỹ;

c. Xem xét thay thế công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật;

- d. Xem xét điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ Quỹ cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
 - e. Xem xét việc giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ theo quy định của Điều lệ này;
 - f. Số lượng thành viên Ban đại diện quỹ còn lại dưới 03 (ba) thành viên.
2. Việc tổ chức Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thông báo về việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, bên triệu tập họp phải thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) cho nhà đầu tư về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư.
 3. Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư bất thường do Quỹ thanh toán, trừ trường hợp Đại hội được tổ chức theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, chi phí tổ chức Đại hội bất thường do bên yêu cầu triệu tập chịu trách nhiệm thanh toán.

5.6 Điều chỉnh, bổ sung Điều 21 – Quyền hạn của Đại hội nhà đầu tư - cụ thể như sau:

ĐIỀU 21. Quyền hạn của Đại hội nhà đầu tư

Đại hội Nhà đầu tư có các quyền hạn sau:

1. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hoặc thành viên của Ban đại diện Quỹ;
2. Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
3. Xem xét điều chỉnh tăng mức phí trả cho Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
4. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ mà những vi phạm này gây tổn thất nghiêm trọng cho Quỹ;
5. Quyết định chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát, quyết định việc niêm yết chứng chỉ quỹ đóng;
6. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ và giải thể quỹ;
7. Quyết định việc phát hành thêm chứng chỉ quỹ nhằm tăng vốn điều lệ của Quỹ, phương án phát hành và sử dụng vốn thu được từ việc phát hành;
8. Quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản, hoặc theo quy định của pháp luật;
9. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
10. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm về tài sản và hoạt động của Quỹ;
11. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ.
12. Quyết định giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ theo quy định của Điều lệ này;

5.7 Điều chỉnh, bổ sung Điều 23 – Quyết định của Đại hội nhà đầu tư - cụ thể như sau:

ĐIỀU 23. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật, tổ chức định giá bất động sản (nếu có) cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a. Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác chấp thuận;

- b. Đối với quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, giải thể Quỹ, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi Công ty quản lý quỹ, thay đổi Ngân hàng giám sát phải được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác được chấp thuận.
4. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:
 - a. Thông qua việc điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ này cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
 - b. Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
 - c. Giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi Công ty quản lý quỹ, thay đổi Ngân hàng giám sát.
5. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham gia biểu quyết chấp thuận.
6. Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.
7. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho UBCKNN.
8. UBCKNN có quyền yêu cầu thay đổi nội dung các quyết định trong Nghị quyết Đại hội trong trường hợp nội dung các quyết định này trái với quy định của pháp luật.

5.8 Điều chỉnh, bổ sung Điều 24 – Ban đại diện quỹ - cụ thể như sau:

ĐIỀU 24. Ban đại diện quỹ

.....

3. Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là 03 (ba) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội Nhà đầu tư tiếp theo.

5.9 Điều chỉnh, bổ sung điểm f khoản 1 Điều 32 – Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ - cụ thể như sau:

ĐIỀU 32. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:

c. Công ty quản lý quỹ quản lý độc lập và tách biệt tài sản của từng quỹ, của công ty quản lý quỹ; công ty quản lý quỹ bảo đảm tách biệt về tổ chức, nhân sự trong hoạt động quản lý quỹ và các hoạt động khác của công ty;

.....

f. Công ty quản lý quỹ VFM phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho đầu tư VF4 do nhân viên của Công ty quản lý quỹ VFM hoặc Công ty quản lý quỹ VFM không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận;

5.10 Điều chỉnh, bổ sung tên của Chương XI của Điều lệ cụ thể như sau:

CHƯƠNG XI GIẢI THỂ, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ

5.11 Điều chỉnh, bổ sung Điều 46 – Các điều kiện giải thể Quỹ - cụ thể như sau:

Điều 46. Các điều kiện giải thể quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

a. Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Quỹ và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ mà không được gia hạn;

b. Các trường hợp giải thể Quỹ trước thời hạn sau khi đã được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư là:

(i) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;

(ii) Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty quản lý quỹ;

(iii) Ngân hàng giám sát bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;

(iv) Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng giám sát;

(v) Đại hội nhà đầu tư quyết định chuyển toàn bộ tài sản của Quỹ vào một Quỹ khác.

2. Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

5.12 Bổ sung thêm một Điều luật vào Chương XI của Điều lệ cụ thể như sau

ĐIỀU BỔ SUNG. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

5.13 Điều chỉnh, bổ sung khoản 2 Điều 44 – Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

ĐIỀU 44. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư VF4 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá, lãi vay ngân hàng [nếu có]...) tại thời điểm định giá.

Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

- Giá trị của các tài sản và khoản đầu tư của quỹ được xác định theo nguyên tắc sau:
 - Đối với chứng khoán niêm yết, giá của các chứng khoán niêm yết được xác định là giá đóng cửa hoặc giá trung bình của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá
 - Đối với chứng khoán chưa niêm yết và giao dịch tại các công ty chứng khoán, giá của chứng khoán đó được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát. Trong trường hợp công ty chứng khoán tạm thời không cung cấp giá giao dịch của cổ phiếu nào đó, giá của chứng khoán đó được xác định là giá do chính công ty chứng khoán đó cung cấp tại thời điểm gần nhất, nhưng không quá 12 tháng trước đó.
 - Đối với chứng khoán chưa niêm yết đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, giá của chứng khoán đó được xác định là giá đóng cửa của chứng khoán đó tại ngày định giá.

.....

5.14 Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục 4 về Thường hoạt động

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỜNG HOẠT ĐỘNG

Công ty quản lý quỹ có thể nhận được từ Quý, ngoài phí quản lý, một khoản thưởng khác gọi là thường hoạt động. Thường hoạt động được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Mức thưởng được tính trên cơ sở phần lợi nhuận vượt trội so với lợi nhuận của thị trường đã được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư của Quý. Thường hoạt động được trích từ thu nhập thực tế của Quý (nếu có) trong năm tính thưởng và được thanh toán cho Công ty quản lý Quỹ hàng năm.
- Phần lợi nhuận của Quý để tính mức phí thường bao gồm phần tăng trưởng của NAV vào cuối năm so với NAV đầu năm và các khoản cổ tức đã trả trong năm. Tăng trưởng của NAV trong năm sẽ được điều chỉnh trong trường hợp Quý tăng vốn.
- Mức thưởng hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Mức điều chỉnh này sẽ được Ban đại diện quỹ chấp thuận trong từng trường hợp cụ thể của thị trường.
- Phí thường chỉ được thanh toán sau khi đã thanh toán các khoản phải trả khác. Phí thường được xác định dựa trên báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Phương thức hạch toán:

Thường hoạt động được trích trước hàng tháng dựa trên hoạt động của quỹ so với tiêu chí đặt ra và được cân đối và quyết toán căn cứ vào kết quả hoạt động thực tế của năm đó. Hàng tháng, căn cứ vào công thức tính thưởng được đề cập dưới đây, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ tạm tính số thưởng hoạt động (nếu có) từ ngày đầu năm đến ngày cuối tháng. Phần chênh lệch giữa số thưởng hoạt động đã tạm tính vào cuối tháng trước đó và số thưởng hoạt động được tạm tính vào cuối tháng sau sẽ được hạch toán điều chỉnh vào NAV của tháng sau. Sau khi kết thúc năm tài chính, số thưởng hoạt động cho cả năm (nếu có) sẽ được so sánh với số tạm tính trong năm và các chênh lệch (nếu có) sẽ được điều chỉnh thông qua bút toán khóa sổ kế toán cho năm tài chính. Phương thức hạch toán sẽ tuân thủ các quy định về kế toán quỹ của Nhà nước ban hành.

Thường hoạt động chỉ được trả cho Công ty quản lý quỹ nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quý do công ty quản lý quỹ quản lý cao hơn chỉ số căn bản (h) (sẽ được diễn giải dưới đây). Khoản thưởng hoạt động mà công ty quản lý quỹ sẽ nhận được bằng 20% của Li (sẽ diễn giải dưới đây) trong năm tài chính.

$$\text{Tiền thưởng} = 20\% \times Li$$

$$Li = V_i - \{V_{i-1} \times (100\% + h + 1\%) + N_i \times [100\% + (h + 1\%) \times d / 365]\}$$

Trong đó:

L_i : khoản liên quan theo đó khoản thưởng hoạt động hàng năm được tính

V_i : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i cộng với các khoản cổ tức quỹ chia trong năm.

V_{i-1} : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm $(i-1)$

N_i : số tiền thu được từ đợt phát hành trong năm i

d : số ngày tính từ thời điểm số vốn huy động mới được phép giải ngân để ngày 31 tháng 12 của năm i

h : là chỉ số căn bản, được tính như sau:

$$h = W_{ho} \times R_{ho} + W_{ha} \times R_{ha} + W_o \times R_{gb}$$

trong đó:

- W_{ho} là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trong danh mục Quỹ đầu tư VF4
- R_{ho} là % tăng trưởng của VNIndex
- W_{ha} là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội trong danh mục Quỹ đầu tư VF4
- R_{ha} là % tăng trưởng của HNX Index

- W_o là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch bao gồm cả trái phiếu, tiền gửi, tiền mặt...
- R_{gb} là lãi suất trái phiếu chính phủ 10 năm đầu thầu thành công gần nhất.

Ghi chú: Các chỉ số W_{ho} , W_{ha} , và W_o là những tỷ trọng cơ cấu danh được tính trong báo cáo hàng tháng để tính bình quân cả năm.

Ví dụ về cách tính tỷ trọng bình quân giá trị các nhóm tài sản:

Diễn biến tháng	Tỷ trọng			NAV thực tế (tỷ đồng)			
	CP niêm yết HOSE (W_{ho})	CP niêm yết HNX (W_{ha})	Tài sản khác (W_o)	Tổng	Giá trị CP niêm yết HOSE	Giá trị CP niêm yết HNX	Giá trị tài sản khác
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
T1				1.000	450	400	150
T2				1.015	467	416	132
T3				1.030	484	433	113
T4				1.046	502	450	94
T5				1.061	520	467	74
T6				1.077	539	463	75
T7				1.093	558	459	77
T8				1.110	577	455	78
T9				1.126	597	451	79
T10	Phát hành 1000 tỷ			2.143	1.029	857	251
T11				2.176	1.110	892	174
T12				2.208	1.192	927	88
Cả năm (a)	50%	41%	9%	16.086	8.024	6.670	1.392

Ghi chú:

- (4), (5), (6), và (7): giá trị NAV, giá trị cp niêm yết HOSE, giá trị cp niêm yết HNX, và giá trị tài sản khác trung bình trong tháng, được tính bằng (giá trị đầu tháng + giá trị cuối tháng)/2

Tại dòng (a):

- W_{ho} (1) = (5)/(4) = 8.024/16.086 = 50%
- W_{ha} (2) = (6)/(4) = 6.670/16.086 = 41%
- W_o (3) = (7)/(4) = 1.392/16.086 = 9%

Ví dụ tính chỉ số căn bản và thưởng:

Chỉ số	Ghi chú	Giá trị
NAV đầu năm (tỷ)	(a)	1.000
NAV cuối năm (tỷ)	(b)	2.208
Tiền phát hành mới trong năm (tỷ)	(c)	1.000
Số ngày thực tế sử dụng số tiền mới	(d)	100
Tăng trưởng Vnindex	(e)	15%
Tăng trưởng HNX index	(f)	14%
Lãi suất TP CP 10 năm	(g)	9%
Chỉ số vượt trội	(h)	1,00%
Chỉ số căn bản	$(i) = W_{ho} \times (e) + W_{ha} \times (f) + W_{ox} \times (g) =$	14,1%
Lãi (tỷ)	$(k) = (b) - (a) \times [1 + (i) + (h)] - (c) \times \{1 + (i) + (h)\} \times (d) / 365$	16,23
Thưởng (tỷ)	$(n) = 20\% \times (k)$	3,25
Thưởng/NAV (%)		0,1%

Điều 6: Công nhận kết quả bầu 1/3 Ban đại diện Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam theo quy định tại Điều lệ Quỹ

Công nhận kết quả bầu Ban đại diện Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam theo quy định tại Điều lệ Quỹ gồm các Ông/Bà sau:

- (1) Ông Trần Thiên Hà
- (2) Bà Đỗ Thị Đức Minh

Danh sách Ban đại diện Quỹ đầu tư VF4 chính thức năm 2010 như sau:

1. Ông Đặng Thái Nguyên
2. Bà Đỗ Thị Đức Minh
3. Ông Trần Thiên Hà
4. Ông Lê Hoàng Anh
5. Ông Lê Trung Thành
6. Ông Huỳnh Văn Thòn



Điều 7: Hiệu lực Nghị quyết Đại hội

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ban Đại diện

ĐẶNG THÁI NGUYÊN

ĐỖ THỊ ĐỨC MINH

TRẦN THIÊN HÀ

LÊ HOÀNG ANH

LÊ TRUNG THÀNH

HUỲNH VĂN THÒN

Đại diện Công ty VFM



TRẦN THÀNH TÂN
Tổng Giám đốc